

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/DS-ST
Ngày: 13 – 12 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.
2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần KL (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ cư trú: Số ***, đường PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Q; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh ĐT là người đại theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số: 4522/QĐ-NHKL, ngày 31/12/2019).

Địa chỉ: Số **, đường LTK, Phường ***, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn Q: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; chức vụ: Phó tổ trưởng tín dụng trả góp ngày Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh tỉnh ĐT là người đại theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 10/UQ-CNĐT, ngày 05/3/2020).

Địa chỉ: Số 30, đường LTK, Phường ***, thành phố CL, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Bùi Thị Diễm T, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL trình bày:*

Ngày 07/8/2018, ông Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị Diễm T và Ngân hàng TMCP KL ký kết các Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00031/HĐTD-CC và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00032/HĐTD-CC. Theo các Hợp đồng, ông C, bà T vay của Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay là mua bán nhỏ, thời hạn vay là 180 ngày, ngày vay là 07/8/2018, ngày đáo hạn là 03/02/2019, loại hình tín dụng là trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày.

Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00031/HĐTD-CC ngày 07/8/2018 được bảo đảm bằng tài sản là xe CITICUP, biển số: 66M3-9003, số máy: 0030319, số khung: 009319, giấy chứng nhận đăng ký xe số 008491, cấp ngày 11/6/2018, màu sơn: Đỏ đen. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản cầm cố.

Trong quá trình vay vốn ông C, bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khi đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần KL yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 5.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/12/2021 là 4.190.395 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 9.690.395 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng), yêu cầu tính lãi phát sinh từ 14/12/2021 đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Diễm T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội

đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền vốn là 5.500.000 đồng và tiền lãi là 4.190.395 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 9.690.395 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn trả góp; Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00031/HĐTD-CC ngày 07/8/2018; Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00032/HĐTD-CC ngày 07/8/2018; Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 07/8/2018 (Bản sao y).

- Bảng kê tính lãi theo hợp đồng ngày 13/12/2021 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn C cư trú tại ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00031/HĐTD-CC ngày 07/8/2018; Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00032/HĐTD-CC ngày 07/8/2018.

Xét thấy, khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn C đã ký kết các Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00031/HĐTD-CC

ngày 07/8/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, số: HO 00032/HĐTD-CC ngày 07/8/2018. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Ngân hàng TMCP KL được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và ông C, bà T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông C, bà T có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C, bà T số tiền 15.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông C, bà T có trách nhiệm trả tiền nợ gốc mỗi ngày cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông C, bà T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận. Theo đó, ông C, bà T đã trả được 9.500.000 đồng, còn lại 5.500.000 đồng. Việc ông C, bà T không trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông C, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, có cơ sở xác định ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông C, bà T trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và ông C, bà T có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Theo thỏa thuận, ông C, bà T có trách nhiệm trả tiền lãi mỗi ngày cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông C, bà T trả số tiền lãi là 4.190.395 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 405.222 đồng, lãi quá hạn là 3.785.173 đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông C, bà T, đồng thời, tại Văn bản xác minh ngày 20/10/2021 của Công an xã Bình Thành thể hiện ông C, bà T đang sinh sống tại địa phương nhưng ông C, bà T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông C, bà T phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn 5.500.000 đồng và tiền lãi là 4.190.395 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 9.690.395 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng) và yêu

cầu thanh toán tiền lãi phát sinh đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản cầm cố: Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KL là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền vốn là 5.500.000 đồng và tiền lãi là 4.190.395 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 9.690.395 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Diễm T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 485.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0014376 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên